

QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MARXIST VÀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU KINH TẾ CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

*Nguyễn Quốc Toàn, Nguyễn Thanh Đoàn, Trần Thị Sen,
Trần Cao Tân, Đỗ Thị Thu Thảo,
Lê Thị Hiếu Thảo, Nguyễn Thanh Long**

TÓM TẮT

Bài viết phân tích mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị nói chung bằng việc xác định những đóng góp của kinh tế chính trị Marxist đối với sự phát triển của kinh tế chính trị học, cũng như những khác biệt về cách tiếp cận, phương pháp và đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Marxist so với các học thuyết kinh tế chính trị học khác. Bên cạnh đó, bài viết cũng đề cập đến thực trạng giảng dạy và nghiên cứu kinh tế chính trị học hiện nay ở Việt Nam, qua đó nêu lên một số vấn đề cần quan tâm, đồng thời có đề xuất một số giải pháp như: (1) chú trọng nghiên cứu sâu các tư tưởng, học thuyết, quan điểm kinh tế chính trị ngoài Marxist; (2) tăng ngân sách đầu tư cho công tác nghiên cứu kinh tế chính trị; (3) đổi mới phương pháp nghiên cứu, trong đó có sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại, công nghệ cao nhưng cần phải nhận thức đó chỉ là phương tiện; (4) bản thân những người làm công tác giảng dạy nghiên cứu kinh tế chính trị phải thường xuyên trau dồi ngoại ngữ, tin học.

Từ khóa: kinh tế chính trị học, giảng dạy và nghiên cứu kinh tế chính trị học, quan hệ giữa kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị học.

1. Đề dẫn

Với cách tiếp cận phân tích lịch sử kinh tế chính trị học, bằng phương pháp nghiên cứu tổng hợp, phân tích tài liệu và dựa trên quan sát thực tiễn quá trình giảng dạy và nghiên cứu kinh tế chính trị học, mục tiêu của bài viết là tìm hiểu mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị học nói chung thông qua việc lược khảo lịch sử hình thành và phát triển của khoa học kinh tế chính trị, theo đó sẽ nhấn mạnh những đóng góp cũng như những khác biệt của kinh tế chính trị Marxist. Đồng thời, những vấn đề trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu kinh tế chính trị học hiện nay ở Việt Nam cũng được bài viết đề cập nhằm đề xuất một số giải pháp phát huy những giá trị bền vững của khoa học kinh tế chính trị nói chung và kinh tế chính trị Marxist nói riêng. Đề giải quyết mục tiêu trên, bài viết được trình bày với kết cấu gồm: (1) Trình bày mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị học, trong đó nêu rõ vai trò cũng như những khác biệt của kinh tế chính trị Marxist đối với sự phát triển của kinh tế chính trị học; (2) Phân tích thực trạng giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị Marxist và KTCT học và (3) Đề xuất định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

* Nghiên cứu sinh ngành KTCT các khóa 14, 16 và 17

2. Mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị học

Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội nghiên cứu mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Thuật ngữ “kinh tế chính trị” được dùng lần đầu tiên năm 1615 bởi Antoine de Montchrétien trong tác phẩm *Traité d'économie politique*. Học thuyết kinh tế chính trị có tính hệ thống đầu tiên là học thuyết của Adam Smith trong thế kỷ 18. Khoa học kinh tế chính trị hình thành và phát triển qua các giai đoạn, như sau:

Bảng 1. Một số trường phái tiêu biểu của kinh tế chính trị học

STT	Trường phái	Nhân vật đại diện	Đóng góp tiêu biểu
1.	Kinh tế chính trị cổ điển	Adam Smith, Thomas Malthus, David Ricardo, John Stuart Mill	Lý luận về sự tự điều chỉnh của thị trường và lý luận về giá trị, về phân phối.
2.	Kinh tế chính trị Marxist	Karl Marx, Fredric Angels, Lénine	Phát triển đáng kể những lý luận về phân công lao động và lý luận giá trị lao động của kinh tế chính trị tân cổ điển; Giới thiệu lý luận về lao động thặng dư, giá trị thặng dư, quy luật giá trị và thay đổi hình thái giá trị; Lý luận về phương tiện sản xuất, phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, v.v.
3.	Kinh tế chính trị Tân cổ điển	William Stanley Jevons, Carl Menger, Léon Walras, Philip Henry Wicksteed, William Smart, Alfred Marshall, Eugen von Böhm-Bawerk, Friedrich von Wieser, Vilfredo Pareto	Phê phán quan niệm của kinh tế chính trị cổ điển về thỏa dụng, cũng như phê phán quan niệm của kinh tế chính trị Mác-xít về giá trị sử dụng; Giới thiệu khái niệm về thỏa dụng biên; Lý luận về sự lựa chọn trong ràng buộc, quyền sở hữu, hàng hóa công cộng, độc quyền, ảnh hưởng ngoại lai.
4.	Kinh tế chính trị Keynes	John Maynard Keynes	Phê phán lý luận về sự tự điều chỉnh của thị trường của trường phái cổ điển; Phát triển lý luận về tính bất ổn định của tái sản xuất và tăng trưởng của kinh tế tư bản chủ nghĩa.
5.	Kinh tế chính trị hiện đại	James M. Buchaman Knut Wicksell Erik Lindahl	Lựa chọn công và điều tiết công

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

Như vậy, trong lịch sử hình thành và phát triển của kinh tế chính trị học, kinh tế chính trị Marxist là một giai đoạn phát triển. Theo đó, học thuyết kinh tế này đã có những đóng góp cũng như mang lại nhiều sự khác biệt trong một số vấn đề về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Do vậy, trong một số trường hợp nhất định, có thể xem kinh tế chính trị Marxist như là một học thuyết kinh tế độc lập nhưng không hề tách rời mà có mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống học thuyết kinh tế chính trị học. Mối quan hệ đó, được lý giải bởi những nội dung như sau:

2.1. Vai trò của kinh tế chính trị Macxít đối với sự phát triển của kinh tế chính trị học

Thứ nhất, kinh tế chính trị học Marxist đã đóng góp cho kinh tế chính trị học nói chung những phát hiện mang tính vạch thời đại và có giá trị bền vững

Học thuyết kinh tế của C.Marx là nội dung quan trọng của chủ nghĩa Marx. Nó vạch ra những quy luật vận động, kinh tế của chủ nghĩa tư bản; và từ những quy luật vận động kinh tế đó là cho chủ nghĩa tư bản phát triển đến “đỉnh điểm” - phát triển hết năng lực sẽ bị diệt vong và tất yếu được thay thế bằng nền kinh tế mới cao hơn, trong học thuyết kinh tế của Marx, có rất nhiều những yếu tố mang giá trị bền vững. Dưới đây tóm tắt một số giá trị bền vững trong học thuyết kinh tế của Karl Marx.

Nội dung của quy luật giá trị là thời gian lao động xã hội cần thiết. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Là quy luật căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa, quy luật giá trị đòi hỏi xét trên mặt bằng của toàn bộ nền kinh tế thì tổng giá cả của tất cả các thứ hàng hoá phải bằng tổng giá trị của chúng, còn giá cả của từng thứ thì tách rời giá trị của chúng. Từ lý luận về tính chất hai mặt của lao động, Marx đã chỉ cho ta thấy rằng sự hình thành của giá trị hàng hóa dù trong nền kinh tế hàng hóa nào không phân biệt chế độ xã hội bao giờ cũng gồm có hai quá trình: quá trình bảo toàn và di chuyển giá trị tư liệu sản xuất (tức giá trị cũ hay giá trị sản phẩm trung gian) vào trong sản phẩm mới dựa vào lao động cụ thể và quá trình tạo ra giá trị mới (hay giá trị gia tăng) nhờ vào lao động trừu tượng. Đó là chi phí sản xuất thực tế để sản xuất ra hàng hóa, tức chi phí về lao động (gồm có lao động quá khứ và lao động sống) mà xã hội phải bỏ ra để sản xuất hàng hóa. Theo quy luật này, những chủ thể sản xuất và trao đổi hàng hóa đều phải tuân theo mệnh lệnh của giá cả thị trường. Cơ chế này phát huy tác dụng thông qua cung cầu, cạnh tranh và sức mua của đồng tiền (Cung Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2017).

Lý luận giá trị thặng dư của Marx ra đời trên cơ sở nghiên cứu nền kinh tế thị trường TBCN trong thời kỳ tự do cạnh tranh. Việt Nam cũng đang phát triển kinh tế thị trường hiện đại định hướng XHCN. Cho nên việc nghiên cứu tính phổ biến và tính đặc thù của sản xuất hàng hoá TBCN từ di sản lý luận của Marx là có ý nghĩa thực tiễn (Cung Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2017).

(a) Phạm trù giá trị thặng dư gắn liền với hàng hóa sức lao động, với nền sản xuất và trao đổi hàng hóa, chứ không phải chỉ là một phạm trù riêng có của CNTB. Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới (giá trị gia tăng) thừa ra ngoài giá trị sức lao động do lao động trừu tượng của người lao động làm ra. Điều khác nhau chỉ là trong những quan hệ kinh tế - xã hội khác nhau thì giá trị thặng dư mang bản chất xã hội khác nhau mà thôi. Khai thác lý luận giá trị thặng dư trên giác độ quá trình tổ chức sản xuất của một nền sản xuất lớn, xã hội hóa cao nhằm tạo ra một khối lượng lớn hàng hóa có giá trị gia tăng ngày càng cao, giá trị thặng dư ngày càng nhiều là việc làm hết sức cần thiết cho nền kinh tế nước ta hiện nay. Vấn đề còn lại là việc phân phối giá trị thặng dư sao cho vừa đảm bảo lợi ích của người lao động, của chủ doanh nghiệp và của xã hội (nhà nước).

(b) Sự phân tích của Marx về hình thức biểu hiện của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong thời kỳ tự do cạnh tranh của CNTB đã cho ta thấy được những đặc trưng cơ bản

của cạnh tranh hoàn hảo hay cạnh tranh thuần túy. Đó là: (i) trên thị trường chưa có một ai có thế lực quyết định đến thị trường và đối thủ cạnh tranh; (ii) các quan hệ kinh tế trên thị trường chưa bị biến dạng bởi các thế lực độc quyền hay các quyết định hành chính của nhà nước; (iii) giá cả thị trường là kết quả khách quan của quan hệ cung cầu, người mua người bán chỉ là người nhận giá; (iv) tư liệu sản xuất và sức lao động được tự do di chuyển từ ngành này sang ngành khác theo cơ chế thị trường, do đó, nâng cao hiệu quả của tư bản đầu tư.

(c) Sự phân tích của Marx về cơ chế thị trường tự do cạnh tranh cũng qua đó gợi cho ta suy nghĩ về những điều kiện cần phải có để chuyển đổi sang cơ chế thị trường định hướng XHCN: (i) các chủ thể sản xuất kinh doanh hàng hóa phải được bảo đảm quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật; (ii) giá cả, lãi suất phải được hình thành theo cơ chế thị trường; (iii) cạnh tranh (trong nội bộ ngành, giữa các ngành) là sức sống của cơ chế thị trường.

Thứ hai, kinh tế chính trị Marxist nhấn mạnh mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, từ đó cùng cố cơ sở khoa học của ngành kinh tế chính trị

Marx và Engels coi quan hệ giữa kinh tế và chính trị là biểu hiện tập trung nhất của quan hệ giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng. Trong đó, cơ sở hạ tầng - kinh tế giữ vai trò quyết định. Đồng thời, kiến trúc thượng tầng - chính trị cũng có tính độc lập tương đối, tác động trở lại cơ sở hạ tầng. Phát triển quan điểm trên, Lênine đã khái quát bản chất mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị như sau: “Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế”; “Chính trị tức là kinh tế được cô đọng lại”. Sự khẳng định này có nghĩa, chính trị ra đời từ kinh tế, do kinh tế quyết định; chính trị là sự phản ánh, là tính thứ hai so với kinh tế. Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở kinh tế, không được thoát ly những đặc trưng và những nhiệm vụ kinh tế của xã hội. Khi cơ sở kinh tế biến đổi, chính trị phải biến đổi theo để phản ánh đúng cơ sở kinh tế, phù hợp với kinh tế để tạo được môi trường tốt nhất cho kinh tế phát triển theo đúng quy luật khách quan.

Đồng thời với việc thừa nhận tính thứ nhất của kinh tế, Lênine cũng cho rằng, “chính trị không thể chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế”. Khẳng định đó của Lênine đã nhấn mạnh tính độc lập tương đối và vai trò tác động trở lại rất tích cực của chính trị đối với kinh tế. Sự tác động của chính trị đối với kinh tế thông qua sức mạnh của các thể chế của hệ thống chính trị, đặc biệt là của nhà nước được thể hiện ở chỗ nếu một nền chính trị đúng đắn khoa học, phù hợp với cơ sở kinh tế của xã hội hiện tại thì nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển, và, vì thế, nó sẽ góp phần to lớn vào tăng trưởng kinh tế, giải phóng sức sản xuất, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Ngược lại, nếu chính trị sai lầm, trì trệ, không khoa học, không phù hợp với các thực tiễn kinh tế thì nó sẽ là lực lượng kìm hãm sự phát triển kinh tế, thậm chí đẩy kinh tế vào khủng hoảng, và hậu quả đi kèm tất yếu là mất ổn định chính trị - xã hội.

Giữa thế kỷ XIX xuất hiện một số nhà kinh tế học ủng hộ chủ nghĩa tự do kinh doanh cho rằng chính quyền và kinh tế nên hoạt động độc lập với nhau. Họ thay thế môn kinh tế chính trị bằng hai môn khoa học xã hội mới là chính trị học và kinh tế học. Trường phái “kinh tế chính trị tư sản tân cổ điển” xuất hiện với đại diện xuất sắc nhất là Alfred Marshall.

2.2. Những điểm khác biệt đáng lưu ý giữa kinh tế chính trị Marxist và các trường phái kinh tế chính trị học khác

Thứ nhất, sự khác biệt trong phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Marxist và cách tiếp cận

Khi nghiên cứu nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, Karl Marx đã quán triệt sâu sắc và sử dụng linh hoạt, tài tình các nguyên tắc: tôn trọng khách quan, toàn diện và lịch sử cụ thể, nhận thức và giải quyết mâu thuẫn phủ định biện chứng, thống nhất lý luận với thực tiễn... Đặc biệt là, Karl Marx đã sử dụng một loạt phương pháp nghiên cứu hiệu quả như: đi từ trừu tượng đến cụ thể, logic và lịch sử, phân tích mâu thuẫn, đối chiếu và so sánh, khái quát hóa và trừu tượng hóa...

Với phương pháp phân tích hệ thống, Karl Marx đã xem đời sống xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng như một hệ thống cấu trúc vật chất - kinh tế thống nhất, trong đó bao gồm các yếu tố, bộ phận, quá trình gắn bó và tương tác hữu cơ với nhau (kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng, đạo đức, khoa học, tôn giáo...). Với phương pháp tiếp cận hình thái trong nghiên cứu xã hội, quá trình nghiên cứu của Karl Marx về sự phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã để lại mẫu mực về sự nghiên cứu, phân tích quá trình lịch sử (trong đó có lịch sử phát triển kinh tế). Với phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, Karl Marx đã nghiên cứu tìm ra mục đích, bản chất và những quy luật từ phạm trù “hàng hóa” (đây là cái chung nhất, phổ biến nhất trong chủ nghĩa tư bản, đồng thời cũng là cái trừu tượng nhất trong lịch sử nhận thức). Từ phân tích “hàng hóa”, Ông phát hiện ra hai thuộc tính cơ bản của nó là “giá trị” và “giá trị sử dụng”; từ “giá trị” và “giá trị sử dụng” của hàng hóa tiếp tục phân tích đến “giá trị trao đổi” và “giá cả” hàng hóa... Mặt khác, trong khi nghiên cứu “hàng hóa” thông thường, phổ biến trong xã hội tư bản, Karl Marx phân tích cụ thể và phát hiện ra một loạt hàng hóa đặc biệt - “hàng hóa sức lao động” vừa có “giá trị” vừa có “giá trị sử dụng”, đặc biệt “giá trị sử dụng” đặc biệt của hàng hóa sức lao động thể hiện ở chỗ: mọi hàng hóa thông thường khi đem tiêu dùng thì nó mất dần giá trị, riêng hàng hóa sức lao động khi đem tiêu dùng (trong sản xuất) thì “tự nó” tạo ra một giá trị lớn hơn gấp bội lần giá trị ban đầu của nó; phần lớn hơn đó là giá trị thặng dư (m) mà nhà tư bản chiếm không. Chính từ sự vận động của quy luật giá trị thặng dư, quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và những quy luật khác của chủ nghĩa tư bản, Karl Marx đã đưa ra dự báo thiên tài: chủ nghĩa tư bản nhất định phải diệt vong nhường chỗ cho xã hội mới cao hơn và tốt hơn ra đời phát triển - đó là chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn thấp của nó mà chủ nghĩa xã hội (Cung Thị Tuyết Mai và cộng sự, 2017).

Cách tiếp cận của kinh tế chính trị Marxist là lấy xã hội làm trung tâm, xuất phát từ lợi ích xã hội để nghĩ về nhà nước. Trong khi đó, lấy quyền lực làm nền tảng phân tích lại là phương pháp tiếp cận của kinh tế chính trị cổ điển. Do coi quyền lực là vấn đề trung tâm của chính trị, nên họ cho rằng kinh tế chính trị nghiên cứu cách thức đạt được quyền lực trong nền kinh tế. Hoặc, trường phái kinh tế chính trị tân cổ điển và kinh tế chính trị Keynes lại chọn phương pháp lấy nhà nước làm chủ đạo, xuất phát từ cách xác định chính trị là khoa học về nhà nước, còn kinh tế hàm ý thị trường. Vì thế, họ cho rằng kinh tế chính trị nghiên cứu cân bằng quyền lực giữa thị trường và nhà nước. Nhà nước tìm cách kiểm soát nền kinh tế để đạt được những mục đích của mình. Hiện nay, kinh tế chính trị hiện đại lại lấy “chính nghĩa” làm

trung tâm. Kinh tế chính trị hiện đại xuất phát từ quan điểm rằng có một hệ thống “quyền” gắn liền với thị trường, mà quan trọng nhất là quyền sở hữu. Chính trị có thể xác định và tác động tới các quyền đó. Vì thế, nhiệm vụ của kinh tế chính trị là nghiên cứu cách thức chính trị tác động tới các hệ thống quyền lợi đó.

Thứ hai, kinh tế chính trị học Marxist và kinh tế chính trị học nói chung giống và khác nhau về đối tượng nghiên cứu.

Kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị học nghiên cứu quan hệ sản xuất, tức là nghiên cứu cơ sở hạ tầng xã hội, nên cũng đề cập trong một chừng mực nhất định mối liên hệ giữa quan hệ sản xuất với kiến trúc thượng tầng, nhất là những quan hệ chính trị, pháp lý có vai trò tác động quan trọng trở lại đối với quan hệ sản xuất, đối với sự phát triển kinh tế, biểu hiện rõ nhất ở chức năng kinh tế của nhà nước trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, như F. Engels đã viết:

“Kinh tế chính trị học, theo nghĩa rộng nhất, là khoa học về những quy luật chi phối sự sản xuất và sự trao đổi những tư liệu sinh hoạt vật chất trong xã hội loài người... Những điều kiện trong đó người ta sản xuất sản phẩm và trao đổi chúng, đều thay đổi từng nước, và trong mỗi nước, lại thay đổi tùy từng thế hệ. Bởi vậy không thể có cùng một môn kinh tế chính trị duy nhất cho tất cả mọi nước và tất cả mọi thời đại lịch sử... môn kinh tế chính trị, về thực chất là một môn khoa học có tính chất lịch sử...; nó nghiên cứu trước hết là những quy luật đặc thù của từng giai đoạn phát triển của sản xuất và của trao đổi và chỉ sau khi nghiên cứu như thế xong xuôi rồi nó mới có thể xác định ra một vài quy luật hoàn toàn có tính chất chung, thích dụng, nói chung, cho sản xuất và trao đổi” (Karl Marx và Friedrich Engels: Toàn tập, 1993, t.20, tr.207-208).

Hoặc, trong tác phẩm nổi tiếng *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* (Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia, 1776, thường được gọi tắt là *Của cải của các quốc gia*), Adam Smith chỉ rõ:

“Political economy considered as a branch of the science of a statesman or legislator proposes two distinct objects, first, to supply a plentiful revenue or subsistence for the people, or more properly to enable them to provide such a revenue or subsistence for themselves; and secondly, to supply the state or commonwealth with a revenue sufficient for the public service. It proposes to enrich both the people and the sovereign”.

Sự khác nhau trong đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Marxist và các trào lưu kinh tế ngoài Marxist được thể hiện ở những học thuyết chịu ảnh hưởng bởi kinh tế chính trị. Chủ nghĩa tự do cho rằng phát triển kinh tế do giá trị thặng dư tư bản mà sinh ra chứ không phải giá trị thặng dư xã hội. Do đó, lợi lộc thuộc cá thể chứ không phải toàn xã hội. Chủ nghĩa bảo thủ quan niệm giá trị thặng dư tư bản thuộc về từng cá thể và giá trị thặng dư xã hội có rất ít hoặc không có. Chủ nghĩa xã hội tin rằng tỷ lệ giữa giá trị thặng dư tư bản và giá trị thặng dư xã hội rất thấp. Có nghĩa là mỗi cá thể tạo ra giá trị thặng dư đều là thành viên của xã hội nên giá trị thặng dư đó là của xã hội. Chủ nghĩa cộng sản không phân biệt giữa giá trị thặng dư tư bản và giá trị thặng dư xã hội nhưng lại cho rằng tăng trưởng kinh tế - xã hội do giá trị thặng dư xã hội sinh ra.

Kinh tế chính trị từ khi Adam Smith công bố tác phẩm *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* cho đến khi John Stuart Mill công bố *Principles of Political Economy* (Các nguyên lý của kinh tế chính trị, 1848) được các sử gia kinh tế gọi là kinh tế chính trị cổ điển. Các đại biểu của kinh tế chính trị cổ điển bao gồm Adam Smith, Thomas Malthus, David Ricardo, John Stuart Mill. Mặc dù Karl Marx cũng sống trong giai đoạn này và các học thuyết của Marx kế thừa rất nhiều từ Smith, Malthus và Ricardo, song vì ông đã phát triển nó rất xa và chủ trương phương pháp giải quyết các mâu thuẫn kinh tế chính trị hoàn toàn khác với những người đi trước, nghĩa là bằng đấu tranh giai cấp, nên học thuyết kinh tế chính trị của Marx trở thành một trường phái kinh tế chính trị riêng, kinh tế chính trị Marx. Trọng tâm học thuyết của Marx là học thuyết giá trị thặng dư và sau này được Vladimir Ilyich Lenin phát triển thêm.

3. Thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị Marxist và KTCT học

3.1. Xu hướng nghiên cứu mới trong KTCT học

Trước đây, khi nền kinh tế còn dựa trên cơ chế quản lý hành chính tập trung, bao cấp, tư duy phổ biến khi đó “chỉ nhìn thấy rừng mà không thấy cây”. Tất cả là trừu tượng, là chung chung, quá đề cao kinh tế chính trị, thậm chí một cách tuyệt đối, coi nhẹ các môn kinh tế khác. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, càng ngày tư duy lại chuyển sang cái đối lập. Nhìn chung “chỉ thấy cây mà không thấy rừng”. Cái gì cũng phải cụ thể, coi nhẹ định tính; và xu thế chung thậm chí người ta chuyển dần đến mức độ coi nhẹ, nếu không muốn nói coi thường môn kinh tế chính trị. Vì vậy, nhận thức đúng vị trí, vai trò, chức năng của môn học rất cần thiết, quan trọng. Có nhận thức đúng, mới có hành động phù hợp, đáp ứng tích cực yêu cầu thực tế đang đặt ra hiện nay trong giảng dạy, nghiên cứu môn kinh tế chính trị. Khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, một trong những bài học quý báu rút ra khi nghiên cứu lý luận là: cái gì trước đây đúng, bây giờ sai thì bỏ; cái gì trước đây sai, bây giờ đúng thì tìm hiểu, nghiên cứu; cái gì trước đây đúng, giờ vẫn đúng thì tiếp tục khai thác, phát triển cho hoàn thiện hơn. Như vậy không có gì là thô, cứng, bất biến, không đổi. Hết sức tránh sùng bái, giáo điều; cũng như xu hướng ngược lại, coi thường, phủ định sạch trơn. Cả hai khuynh hướng này đều không thể chấp nhận (Nguyễn Văn Bằng, 2015).

Ở những nước phương Tây, Kinh tế chính trị học là một môn khoa học độc lập và cũng đã được điều chỉnh theo những phương pháp nghiên cứu hiện đại, đồng thời, sau những cuộc khủng hoảng kinh tế, người ta lại tiếp tục quay trở lại nghiên cứu kinh tế chính trị Marxist như là một cứu cánh về lý luận trong việc giải thích các quá trình và hiện tượng kinh tế. Ở Trung Quốc, từ khi bước vào thời kỳ cải cách nền kinh tế truyền thống theo mô hình kế hoạch hóa tập trung cao độ sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, các nhà lý luận kinh tế Marxist ở Trung Quốc đã tiến nhanh trên con đường nghiên cứu đổi mới lý luận kinh tế truyền thống với tinh thần “không kinh viện” và “thực sự cầu thị” (Nguyễn Thành Độ, trích trong Trình Ân Phú, 2005). Theo đó, Kinh tế chính trị học hiện nay ở Trung Quốc là Kinh tế chính trị học hiện đại, trên cơ sở kết hợp kinh tế chính trị Marxist, kinh tế học và quản lý học với những công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Kinh tế chính trị học hiện đại* của Trình Ân Phú (2005); *Sơ sánh lý*

luận của chủ nghĩa Marx và lý luận của trường phái Tân chế độ phương Tây về doanh nghiệp của Trương Ngân Kiệt (1999); *So sánh lý luận của chủ nghĩa Marx với trường phái kinh tế học phương Tây về quyền tài sản* của Ngô Tuyên Cung và cộng sự (2000); *Kinh tế học chế độ của chủ nghĩa Marx* của Cô Ngọc Dân (2005); *Những nghiên cứu mới đối với lý luận của nghĩa Marx về thương mại quốc tế* của Dương Thánh Minh (2000); *Phân tích chủ nghĩa Marx và chế độ* của Lâm Cương & Trương Vũ (2001)... Giá trị khoa học và thực tiễn của những công trình nghiên cứu này chính là ở các nội dung đã được đổi mới theo tinh thần tích hợp các giá trị trong học thuyết kinh tế chính trị Marxist truyền thống với nhiều lý thuyết kinh tế phương Tây hiện đại theo tinh thần Trung Quốc hóa, phù hợp với thực tiễn xây dựng một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa giai đoạn đầu của Trung Quốc.

Thuật ngữ “kinh tế chính trị” bao hàm ý nghĩa là các quyết định cũng như kết quả kinh tế luôn có quan hệ và bị ảnh hưởng bởi các tác nhân chính trị. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học thống kê và toán thì kinh tế được tách rời khỏi chính trị, hình thành nên bộ môn “Kinh tế học”, với mục tiêu là áp dụng các phương pháp thống kê và tính toán hiện đại trong nghiên cứu kinh tế. Kinh tế học được nghiên cứu dựa trên các giả định về tối ưu hóa, về sự lựa chọn hợp lý và các điều kiện được xác định và, do vậy, kết quả nghiên cứu được xem là khách quan và chính xác hơn so với kinh tế chính trị. Tuy nhiên, chính vì việc loại bỏ yếu tố chính trị trong nghiên cứu kinh tế cũng làm hạn chế sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn về các quá trình kinh tế. Theo đó, các phương pháp nghiên cứu định tính là phù hợp trong nghiên cứu kinh tế chính trị bởi nó cho phép chúng ta hiểu sâu và rộng hơn về một vấn đề. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp nghiên cứu thì phương pháp định lượng cũng không thể sử dụng được do những khó khăn về dữ liệu và tính phức tạp của hệ thống kinh tế và chính trị (Lyu, trích dẫn bởi Trần Quang Tuyền, 2015).

Trên thế giới, phạm vi và mục tiêu nghiên cứu của kinh tế chính trị được hiểu rất rộng, bao hàm toàn bộ các lĩnh vực nghiên cứu của kinh tế chính trị Marxist, kinh tế học lý thuyết và ứng dụng và đặc biệt gần đây là lĩnh vực nghiên cứu phát triển. Về phương pháp nghiên cứu, phần lớn các bài viết ở các tạp chí kinh tế chính trị hàng đầu như *Journal of Political Economy*, *New Political Economy* và *European Journal of Political Economy* đều sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng như kinh tế lượng trong nghiên cứu. Đây cũng chính là xu hướng phát triển của kinh tế chính trị thực chứng “Positive Political Economy” ở Hoa Kỳ và phương Tây (Trần Quang Tuyền, 2015).

3.2. Những vấn đề trong giảng dạy và nghiên cứu KTCT Marxist và KTCT học tại Việt Nam

Thứ nhất, nhu cầu xã hội đối với vấn đề phát triển tư duy lý luận kinh tế nước nhà trong điều kiện mới và sự “giảm tải” chương trình và nội dung môn kinh tế chính trị (Đình Ngọc Thạch, 2015). Việc tích hợp môn Kinh tế chính trị vào trong môn học chung là Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Marx-Lénine, vô tình đã làm giảm tính khoa học và động lực nghiên cứu và học tập kinh tế chính trị. Và hiển nhiên, tình hình này có ảnh hưởng đến việc đào tạo sau đại học chuyên ngành kinh tế chính trị, dẫn đến nguy cơ có sự thiếu hụt các chuyên gia đầu đàn trong chuyên ngành này (Nguyễn Chí Hải, 2015).

Thứ hai, tính mờ, tính sáng tạo không ngừng của chủ nghĩa Marx-Lénine và một số biểu hiện của tính “khép kín” và công thức hóa một cách máy móc nội dung của chủ nghĩa Marx-Lénine trong giáo trình. Giáo trình đang sử dụng còn mang nặng tính giáo huấn, thiếu tính đối thoại, gợi mở, xuất phát từ khối lượng môn học và phương pháp tiếp cận môn học. Sự “chật chội” về khối lượng kiến thức cần giảng dạy khiến cho sinh viên không có cơ hội mở rộng kiến thức, tự nghiên cứu, mà chỉ việc nghe, ghi, học thuộc vài nội dung trọng điểm và trả bài, vì thế, khả năng đối thoại, tranh luận hầu như bị triệt tiêu, chỉ còn khả năng tiếp nhận thông tin một chiều.

Thứ ba, nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên kinh tế chính trị và tình trạng thà nổi chất lượng do thiếu một hệ thống đánh giá thống nhất, thiếu cơ chế sàng lọc, thẩm định thực sự hiệu quả về đội ngũ, cũng như những bất cập trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Một trường hợp đáng lưu ý, khi đánh giá về thực trạng đào tạo cao học và nghiên cứu sinh ngành Kinh tế chính trị tại Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐHQG TP.HCM), Nguyễn Chí Hải và cộng sự (2015), đã chỉ ra những hạn chế bất cập như: (i) Số người đăng ký học chuyên ngành KTCT có xu hướng giảm, điểm chuẩn đầu vào của chuyên ngành KTCT còn thấp hơn so với khá nhiều chuyên ngành kinh tế khác trong trường; (ii) Vẫn còn tồn tại tư duy, tâm lý cho rằng thực hiện luận văn, luận án chuyên ngành Kinh tế chính trị chỉ cần nghiên cứu định tính, mà chưa nhận thức chính xác về bản chất, vị trí, vai trò của chuyên ngành KTCT trong hệ thống khoa học kinh tế và quản lý.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa nhu cầu xem xét một cách khoa học toàn bộ tinh hoa tinh thần của nhân loại, với lối tư duy “phân tuyến” một cách cứng nhắc. Do lối tư duy phân tuyến này mà các tư tưởng, học thuyết kinh tế trước khi chủ nghĩa Marx ra đời và các lý thuyết kinh tế chính trị phương Tây hiện đại (hiểu theo nghĩa ngoài Marxist) hầu như không được đề cập hoặc tuy có giới thiệu sơ lược, nhưng không được đánh giá xác đáng, khoa học (Đình Ngọc Thạch, 2015). Việc này vô hình chung đã làm nghèo tư duy lý luận nước nhà, không đáp ứng được quá trình đổi mới tư duy, hội nhập quốc tế. Hay cụ thể hơn, qua thực tiễn nhiều lần tham dự các hội đồng bảo vệ luận văn hoặc luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều học viên hoặc nghiên cứu sinh có một nhầm lẫn rất đáng ngại là đều trích dẫn kinh tế chính trị Marxist trong phần cơ sở lý thuyết để minh chứng cho tính chất kinh tế chính trị trong công trình của mình, cho dù việc trích dẫn đó hầu như không liên quan gì đến đề tài nghiên cứu.

Thứ năm, khoảng cách khó san lấp giữa đào tạo chuyên sâu và khả năng vận dụng vào giảng dạy không chuyên, khiến cho nhiều khối kiến thức bị lãng phí. Sở dĩ có tình trạng đó là vì trong đào tạo không chuyên vẫn đang tồn tại ở nhiều nơi, nhiều cơ sở đào tạo quan niệm đồng nhất đào tạo các môn khoa học Marx-Lénine với những môn chính trị - đó là quan niệm chưa thực sự xác đáng, cần xem xét lại từ góc độ tổ chức, quản lý và nghiên cứu, đào tạo. Hơn nữa, tình hình thế giới và trong nước đang nảy sinh những vấn đề hết sức phức tạp, nhưng chưa thể xử lý và cập nhật, hoặc chưa tìm ra những lời đáp và hướng giải quyết thuyết phục; môi trường dân chủ và tự do có định hướng cho công tác nghiên cứu lý luận chưa được phát huy đúng mức. Một bộ phận làm công tác giảng dạy và nghiên cứu lý luận ngại đụng chạm những vấn đề gai góc, và đó là lý do của sự thiếu vắng những công trình mang tính đột phá, những gợi mở thực sự tâm huyết, những hiến kế có giá trị cho quá trình đổi mới công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học lĩnh vực này (Đình Ngọc Thạch, 2015).

Thứ sáu, mâu thuẫn trong mục đích nghiên cứu của khoa học kinh tế chính trị, tức là, khoa học kinh tế chính trị Marxist và kinh tế chính trị nói chung không đưa ra các giải pháp cụ thể cho những tình huống, quá trình hay hiện tượng kinh tế đơn thuần mà vạch ra những quy luật và xu hướng chung cho sự phát triển của nền kinh tế. Tình hình đó dẫn đến hiện tượng là chỉ có những chuyên gia đầu ngành, những nhà khoa học lớn, hay những viện nghiên cứu, cơ quan lý luận trung ương mới có đầy đủ nguồn lực để nghiên cứu kinh tế chính trị, còn những nhà khoa học đơn lẻ, những cơ quan nghiên cứu cấp thấp hơn chỉ tập trung vào giải quyết các vấn đề vi mô, khi đó, việc sử dụng kinh tế chính trị chắc chắn sẽ có không có ưu thế bằng việc sử dụng các chuyên ngành kinh tế khác.

4. Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị hiện nay

4.1. Những định hướng cơ bản

Một là, để có được một sự giao hội giữa kinh tế chính trị học Marxist và kinh tế chính trị học nói chung với các lý thuyết kinh tế chuyên ngành, những người nghiên cứu, giảng dạy, học tập về kinh tế chính trị học cần phải thấu tóm bản chất của các nguyên lý cơ bản thuộc kinh tế chính trị học Marxist truyền thống và đã được làm sâu sắc thêm, phong phú thêm các nguyên lý đó bằng nhiều thành tựu phát triển của các lý thuyết kinh tế chính trị hoặc kinh tế học phương Tây hiện đại, làm cho các giá trị khoa học của kinh tế chính trị học Marxist có được sự gần gũi với thực tiễn hoạt động kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đã có đầy đủ cơ sở để thiết lập ngành Kinh tế chính trị học Việt Nam. Theo Marx, không có một môn kinh tế chính trị học duy nhất cho tất cả các nước và cho mọi thời đại. Kinh tế chính trị học là một khoa học có tính lịch sử, nó nghiên cứu những tư liệu có tính lịch sử, nghiên cứu các quy luật có tính đặc thù của từng giai đoạn phát triển, sản xuất và trao đổi, trên cơ sở đó xác định các quy luật chung cho sản xuất, trao đổi. Việt Nam có hoàn cảnh đặc thù, do đó trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, chắc chắn sự phát triển của Việt Nam vừa tuân theo quy luật chung, vừa có tính đặc thù trong việc vận dụng các quy luật đó. Do vậy, hoàn toàn có cơ sở hình thành nên khoa học Kinh tế chính trị học Việt Nam với nhiệm vụ làm rõ nội dung đặc thù, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, thực thi đường lối phát triển đất nước (Thùy Linh, 2016).

Ba là, để kết quả giảng dạy nghiên cứu đạt kết quả tốt, đòi hỏi cần bám sát thực tiễn. Trong các môn khoa học xã hội và nhân văn, Kinh tế chính trị có tính Đảng, tính giai cấp cao hơn bất cứ môn khoa học xã hội nào khác và càng không thể thoát ly thực tiễn được. Điều đó đòi hỏi, đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu phải thường xuyên được đi nghiên cứu, khảo nghiệm thực tế đang diễn ra hiện nay không chỉ trong nước và cả trên thế giới. Điều này, tự bản thân họ không thể giải quyết được, mà cần phải có bàn tay của “bà đỡ” là nhà nước.

4.2. Một số giải pháp trong thời gian tới

Thứ nhất, chú trọng nghiên cứu sâu các tư tưởng, học thuyết, quan điểm kinh tế chính trị ngoài Marxist, tăng cường đối thoại với những người làm công tác này ở nước ngoài thông qua

các cuộc hội thảo, tọa đàm, tránh sự dị biệt quá xa về tư duy lý luận, tiếp thu tinh hoa tư tưởng của nhân loại, góp phần phát triển hơn nữa lý luận của chủ nghĩa Marx-Lénine trong điều kiện mới. Cần xây dựng và thực hiện chương trình trao đổi quốc tế đối với đội ngũ làm công tác lý luận nói chung và lý luận chính trị nói riêng.

Thứ hai, tăng ngân sách đầu tư cho công tác nghiên cứu kinh tế chính trị, trong đó có bốn hướng đầu tư chủ yếu: đầu tư cho con người, cho phát triển đội ngũ; đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đào tạo và bồi dưỡng; đầu tư cho đổi mới phương thức tổ chức và quản lý; đầu tư cho cơ sở vật chất.

Thứ ba, đổi mới phương pháp nghiên cứu, trong đó có sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại, công nghệ cao để nghiên cứu là rất cần thiết, song nên nhận thức đúng mức: chúng chỉ là phương tiện. Do vậy, không nên lạm dụng và sùng bái nó, đến mức độ coi nhẹ vai trò của nhà khoa học, mà nên kết hợp nhuần nhuyễn cả các phương pháp truyền thống với các công cụ, phương tiện hiện đại.

Thứ tư, bản thân những người làm công tác giảng dạy nghiên cứu kinh tế chính trị cũng phải thường xuyên học tập, nhất là ngoại ngữ, tin học, để làm giàu cho chất xám của mình. Trước hết là những thông tin gần với các môn học mình được giao đảm trách. Bởi bản chất môn học Kinh tế chính trị đã rất trừu tượng, nếu không được các minh họa chọn lọc trong thực tế, nó lại càng thúc đẩy làm lũng thừa sự trừu tượng; chỉ làm vật cản cho người ta có ấn tượng xấu với môn học mà thôi.

Ngoài ra, những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị phải có một tài liệu tham khảo đặc biệt. Tài liệu này biên soạn những hạn chế, sai lầm trong tư duy, trong chủ trương, chính sách... chỉ dành cho giảng viên mà không phát hành rộng rãi, phục vụ chủ yếu cho công tác giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ giảng viên. Tài liệu này phải được biên soạn công phu, nghiêm túc, cầu thị và thống nhất để tránh cho sự phát ngôn tự phát tùy tiện của giảng viên (Nguyễn Văn Bảng, 2015).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Bảng (2015), “Khắc phục một số hạn chế về nhận thức, hành động trong giảng dạy, nghiên cứu môn kinh tế chính trị”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*. ĐHQG TP HCM - Bộ GD&ĐT TP HCM, tháng 01/2015.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội t.20, tr.207-208.
3. Mai Ngọc Cường, Trần Việt Tiến, Mai Ngọc Anh (2016), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia.
4. Nguyễn Chí Hải, Nguyễn Hồng Nga, Lê Hồng Nghi (2015), “Đào tạo sau đại học chuyên ngành kinh tế học và kinh tế chính trị tại Trường ĐH Kinh tế - Luật”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*. ĐHQG TP HCM - Bộ GD&ĐT. TP HCM, tháng 01/2015.
5. Thùy Linh (2016), *Hội thảo “Kinh tế chính trị học Việt Nam - lý luận và thực tiễn”*. Khai thác từ <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tin-tuc/item/1763-hoi-thao-%E2%80%99Ckinh-te-chinh-tri-hoc-viet-nam-ly-luan-va-thuc-tien%E2%80%99D.html>, vào lúc vào lúc 15h00, ngày 15/11/2017.

6. Cung Thị Tuyết Mai và cộng sự (2017). *Một số vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay - Lý luận và thực tiễn*. Đề tài nghiên cứu cấp ĐHQG TP HCM. MS: C2015-46-01.
7. Trình Ân Phú (2005), *Kinh tế chính trị học hiện đại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
8. Đinh Ngọc Thạch (2015), “Về đổi mới công tác đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị trong điều kiện hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng*. ĐHQG TPHCM - Bộ GD&ĐT TP HCM, tháng 01/2015.
9. Trần Quang Tuyến. (2015). *Đối tượng và phương pháp của Kinh tế Chính trị*. Khai thác từ <http://ueb.edu.vn/Sub/78/newsdetail/tin%20tuc%20chung/14558/%C4%91oi-tuong-va-phuong-phap-cua-kinh-te-chinh-tri.htm>, vào lúc 15h00, ngày 15/11/2017.